TRÍCH SAO; Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định; 10/12/2024; 10:00:24; +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5696/QĐ-UBND	*TP, Nam Định, ngày 28 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 đối với các cơ quan, đơn vị, các ban, ngành, đoàn thể trực thuộc thành phố Nam Định

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5%chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc giao dự toán NSNN và kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc Quy định tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4958/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Nam Định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc giao chỉ tiêu cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 đối với các sở, ban, ngành, các đơn vị trực thuộc tỉnh Nam Định;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 1944/TTr-TCKH ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc giao chỉ tiêu cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 đối với các cơ quan, đơn vị, các ban, ngành, đoàn thể trực thuộc thành phố Nam Định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên ngân sách nhà nước được để lại theo chế độ được giao đầu năm 2024 đối với các cơ quan, đơn vị, các ban, ngành, đoàn thể trực thuộc thành phố Nam Định theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ với tổng số tiền là **2.630.000.000 đồng** *(Hai tỷ, sáu trăm ba mươi triệu đồng chẵn)*.

(Có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, Đảng, đoàn thể tổ chức thực hiện cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ và chế độ chính sách pháp luật hiện hành.

Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo giao chỉ tiêu tiết kiệm 5% kinh chi ngân sách nhà nước năm 2024 được để lại theo chế độ được giao đầu năm đối với các đơn vị dự toán trực thuộc.

Chủ tịch UBND các xã, phường quyết định số kinh phí cắt giảm, tiết kiệm của cấp mình theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ và tổng hợp, báo cáo UBND thành phố số kinh phí cắt giảm, tiết kiệm gửi về phòng Tài chính trong tháng 11 năm 2024.

Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định thực hiện giữ lại kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên ngân sách nhà nước đã được phân bổ trong dự toán năm 2024 và được cấp có thẩm quyền quyết định theo từng lĩnh vực đối với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường.

Các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm sắp xếp nhiệm vụ chi thường xuyên trong phạm vi dự toán còn lại (sau khi đã tiết kiệm chi thường xuyên) đảm bảo thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đã được giao đầu năm;

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các, cơ quan đơn vị, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Dũng

Phụ lục

GIAO CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM TIẾT KIỆM, CẮT GIẢM 5% CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024 ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, CÁC BAN NGÀNH ĐOÀN THỂ TRỰC THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

Kèm theo Quyết định số 5690/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định)

Đơn vị: triệu đồng

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số cắt giảm, tiết kiệm5% chi thường xuyên	Thành phố	Mỹ Lộc (cũ)	Chia ra		GHI CHÚ
			Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
A	B	1=2+3	2	3=4+5	4	5	6
A	**TỔNG CỘNG**	**2.630,0**	**1.874,0**	**756,0**	**304,4**	**451,7**	
	Ngân sách thành phố	**2.630,0**	**1.874,0**	**756,0**	**304,4**	**451,7**	
1	**Sự nghiệp giáo dục**	**1.682,4**	**1.499,0**	**183,4**	**183,4**	**-**	
	- Khối mầm non	*333,2*	*289,0*	44,2	*44,2*		
	- Khối tiểu học	*763,6*	*658,0*	105,6	*105,6*		
	- Khối THCS	*455,6*	*422,0*	33,6	*33,6*		
	- SN của phòng giáo dục	*130,0*	*130,0*	-			
2	**Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề**	**37,2**	**10,0**	**27,2**	**13,9**	**13,3**	
	* Trung tâm bồi dưỡng chính trị	12,8	3,0	9,8	1,5	8,3	
	* Trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm	24,4	7,0	17,4	12,4	5,0	
3	**Sự nghiệp kinh tế**	**45,9**	**33,0**	**12,9**	**9,2**	**3,7**	
	* Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	16,7	7,0	9,7	7,7	2,0	
	* Đội quản lý trật tự đô thị	23,0	23,0	-			
	* Hội chữ thập đỏ	5,5	3,0	2,5	1,5	1,0	
	* Hội người cao tuổi (Mỹ lộc cũ)	0,7		0,7		0,7	
4	**Sự nghiệp y tế**	**91,1**	**60,0**	**31,1**	**8,8**	**22,3**	
	* Trung tâm y tế thành phố	91,1	60,0	31,1	8,8	22,3	
5	**Sự nghiệp văn hóa, TT, phát thanh**	**64,3**	**45,0**	**19,3**	**11,9**	**7,4**	
	*** Trung tâm văn hóa thông tin thể thao**	**64,3**	**45,0**	**19,3**	**11,9**	**7,4**	
	Sự nghiệp văn hóa, phát thanh	*57,0*	*40,0*	*17,0*	*11,9*	*5,1*	
	Sự nghiệp thể thao	*7,3*	*5,0*	*2,3*		*2,3*	
6	**Quản lý hành chính**	**619,1**	**227,0**	**392,1**	**77,2**	**314,9**	
	Phòng kinh tế	23,8	10,0	13,8	4,6	9,2	
	- Quản lý hành chính	*14,8*	*10,0*	*4,8*	*4,6*	*0,2*	
	- Sự nghiệp kinh tế	*9,0*		*9,0*		*9,0*	
	Phòng lao động thương binh xã hội	18,7	11,0	7,7	5,4	2,3	
	Văn phòng HĐND - UBND thành phố	169,3	38,0	131,3	12,8	118,5	
	- Quản lý hành chính	*168,2*	*38,0*	*130,2*	*12,8*	*117,4*	
	- Sự nghiệp đào tạo	*1,1*		*1,1*		*1,1*	
	Phòng tư pháp	9,3	7,0	2,3	2,3		

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số cắt giảm, tiết kiệm5% chi thường xuyên	Thành phố	Mỹ Lộc (cũ)	Chia ra		GHI CHÚ
			Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Phòng Tài chính kế hoạch	29,3	18,0	11,3	5,4	5,9	
	Phòng quản lý đô thị	26,7	13,0	13,7	4,7	9,0	
	- Quản lý hành chính	*18,3*	*13,0*	*5,3*	*4,7*	*0,6*	
	- Sự nghiệp giao thông	*4,4*		*4,4*		*4,4*	
	- Sự nghiệp khoa học	*4,0*		*4,0*		*4,0*	
	Phòng văn hóa thông tin	17,6	10,0	7,6	4,0	3,6	
	Phòng Tài nguyên và môi trường	33,2	11,0	22,2	5,5	16,7	
	- Quản lý hành chính	*16,5*	*11,0*	*5,5*	*5,5*		
	- Sự nghiệp kinh tế	*16,3*		*16,3*		*16,3*	
	- Sự nghiệp môi trường	*0,4*		*0,4*		*0,4*	
	Phòng nội vụ	16,6	9,0	7,6	4,7	2,9	
	Phòng giáo dục và đào tạo	18,6	14,0	4,6	4,6		
	Thanh tra thành phố	13,2	7,0	6,2	3,7	2,5	
	Phòng Y tế (Mỹ lộc cũ)	10,8	-	10,8	3,2	7,6	
	- Quản lý hành chính	*4,2*		*4,2*	*3,2*	*1,0*	
	- Sự nghiệp kinh tế	*6,7*		*6,7*		*6,7*	
	Thành ủy Nam định	156,5	40,0	116,5		116,5	
	- Văn phòng	*123,6*	*40,0*	*83,6*		*83,6*	
	- Ban tổ chức huyện ủy (cũ)	*12,3*		*12,3*		*12,3*	
	- Ban kiểm tra huyện ủy (cũ)	*7,2*		*7,2*		*7,2*	
	- Ban tuyên giáo huyện ủy (cũ)	*7,7*		*7,6*		*7,7*	
	- Ban dân vận huyện ủy (cũ)	*5,7*		*5,7*		*5,7*	
	Mặt trận tổ quốc	21,6	9,0	12,6	3,0	9,6	
	Đoàn Thanh niên	15,4	7,0	8,4	4,0	4,4	
	Hội phụ nữ	17,3	12,0	5,3	3,2	2,05	
	Hội Nông dân	11,9	6,0	5,9	3,9	2,0	
	Hội Cựu chiến binh	9,3	5,0	4,3	2,2	2,1	
7	**Công an**	**7,5**		**7,5**		**7,5**	
8	**Quân sự**	**2,6**		**2,6**		**2,6**	
9	**Ngân sách cấp huyện (cũ)**	**80,0**		**80,0**		**80,0**	